

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

**Gói thầu: Mua sắm tập trung, lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021**

Số: 26.../TTK-HĐMSTTT-NQ ngày 02/7/2021

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều luật quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm tập trung, lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-HDMS ngày 02/7/2021 của Hội đồng mua sắm tài sản tập trung - Sở Tài chính về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm tập trung, lắp đặt điều hòa nhiệt độ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021.

Trên cơ sở Biên bản thương thảo thỏa thuận khung mua sắm tập trung ký ngày 25/6/2021 giữa Hội đồng mua sắm tài sản tập trung - Sở Tài chính Thái Nguyên và Công ty Cổ phần ITC;

Hôm nay, ngày 02/7/2021 tại Văn phòng Sở Tài chính Thái Nguyên đại diện cho các bên ký thỏa thuận khung mua sắm tài sản tập trung, gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A)

Tên đơn vị: **HỘI ĐỒNG MUA SẮM TTTS - SỞ TÀI CHÍNH TN**

Đại diện: Vũ Thị Anh Dung

Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài chính

Địa chỉ: Số 5 đường Dội Cấn, Thành phố Thái Nguyên

Tài khoản: 9527.2.1035683 tại kho bạc nhà nước Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.855.418

E-mail: sotaichinh@thainguyen.gov.vn

II. Nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B)

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ITC**

Đại diện: Ông Nguyễn Hữu Hảo Chức vụ: Tổng Giám đốc

Willy
8

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2, CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phượng Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024. 37634527

Fax: 024. 37634528

Mã số thuế: 0103796753

Tài khoản: 0561106689689 Mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung sau:

Điều 1. Danh mục cung cấp tài sản

1. Tên tài sản: Điều hòa nhiệt độ (*Phụ lục 01 kèm theo*).
2. Bảng kê số lượng tài sản: 503 chiếc (*Phụ lục 01 kèm theo*).
3. Danh sách các đơn vị đầu mối, các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (*Phụ lục 01 kèm theo*).
4. Máy điều hòa nhiệt độ mới 100% sản xuất từ năm 2020 trở lại đây, thiết bị đồng bộ, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật (*Phụ lục 01 kèm theo*).

Điều 2. Giá bán tài sản

1. Tổng giá trị thỏa thuận khung là: 4.222.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm hai mươi hai triệu đồng chẵn /.*).

Giá trên là giá trọn gói (Bao gồm: Giá máy điều hòa, phụ kiện kèm theo máy theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, VAT, các loại thuế, phí khác có liên quan và chi phí vận chuyển, lắp đặt (chỉ bao gồm chi phí nhân công lắp đặt), bàn giao, hướng dẫn sử dụng, bảo hành tại địa điểm lắp đặt của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản).

2. Giá bán tài sản tương ứng từng loại tài sản (*Phụ lục 01 kèm theo*).
3. Ngoài tổng giá trị thỏa thuận khung nêu trên, danh mục và giá các loại vật tư phục vụ lắp đặt điều hòa nhiệt độ do các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản chi trả cho nhà thầu được quy định cụ thể (*Phụ lục 02 kèm theo*).

Điều 3. Thanh toán, thanh lý thỏa thuận khung

1. Thanh toán

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Bên B ký hợp đồng, thanh lý mua sắm tài sản với đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (*danh sách đơn vị sử dụng tài sản như Phụ lục 01 kèm theo*). Các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho bên B theo hình thức và thời gian ghi trong hợp đồng mua sắm tài sản được ký kết giữa hai bên.

2. Thanh lý thỏa thuận khung

Sau khi ký kết hiệu lực của Thỏa thuận khung, đơn vị cung cấp tài sản tổng hợp số liệu cung cấp hợp đồng (*đơn vị tiếp nhận, giá trị thỏa thuận khung, giá trị đã thực hiện*) làm căn cứ thanh lý thỏa thuận khung.

Điều 4. Thời gian, địa điểm bàn giao




1. Thời gian bàn giao tài sản: Tối đa 120 ngày kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực, bên B phải cung cấp đầy đủ máy điều hòa nhiệt độ cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

2. Địa điểm bàn giao tài sản: Tại các đơn vị trực tiếp sử dụng (*Phụ lục 01 kèm theo*).

Điều 5. Bảo hành, bảo trì, hướng dẫn sử dụng tài sản

1. Bảo hành

- Điều kiện bảo hành

+ Sản phẩm lỗi do kỹ thuật của nhà sản xuất;

+ Tài sản đang còn trong thời gian bảo hành.

- Trách nhiệm bảo hành: Bên B có trách nhiệm bảo hành miễn phí 02 năm (Hai năm); thay thế linh kiện mới trong trường hợp hỏng do lỗi của nhà sản xuất trong vòng 02 năm (hai năm) kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản giữa đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và nhà thầu cung cấp tài sản.

- Địa điểm bảo hành: Tại đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Thông báo cần bảo hành: Khi có sự cố, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản liên lạc bằng văn bản hoặc qua điện thoại với Nhà thầu để mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn cách xử lý.

- Địa chỉ liên hệ: (*Một trong hai địa điểm*)

+ Công ty Cổ phần ITC, tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2, CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

- Người liên hệ: Ông Nguyễn Văn Chính Chức vụ: Quản lý dự án

- E-mail: chinhnv@itctech.com.vn

- Điện thoại: 02437634527 (phím 117)

+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và thương mại miền Bắc

Địa chỉ: Khu đô thị Hồ Xương Rồng, phường Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0987 092 006

- Trong trường hợp đơn vị cung cấp tài sản không khắc phục được sự cố, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sẽ gửi tài sản, thiết bị đó đến trung tâm bảo hành thiết bị, Nhà thầu cung cấp tài sản sẽ chi trả các chi phí có liên quan (*Chi phí đền bù, giao nhận, sửa chữa thiết bị...*). Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh do đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản gửi đến nhà thầu để thanh toán.

2. Bảo trì: Miễn phí bảo trì định kỳ 06 tháng/lần trong thời gian 01 năm.

3. Hướng dẫn sử dụng tài sản: Nhà thầu cung cấp tài sản có trách nhiệm hướng dẫn sử dụng tài sản tại địa điểm lắp đặt tài sản của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị mua sắm tập trung

- Ký kết thỏa thuận khung với nhà thầu cung cấp tài sản.

- Quy định mẫu hợp đồng mua sắm tài sản làm cơ sở cho các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm với nhà cung cấp.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản hoàn thiện các thủ tục mua sắm theo thỏa thuận khung.

- Thông báo, đôn đốc bằng hình thức văn bản đến các cơ quan, đơn vị đăng ký mua sắm tập trung thực hiện mua sắm theo số lượng đã đăng ký với Sở Tài chính.

2. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản

- Tham gia ký kết thỏa thuận khung, thanh lý thỏa thuận khung với Hội đồng mua sắm tập trung - Sở Tài chính.

- Ký hợp đồng kinh tế; thanh lý hợp đồng; biên bản nghiệm thu, bàn giao tiếp nhận tài sản với các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Phát hành hóa đơn bán hàng cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

- Phát hành phiếu bảo hành cho toàn bộ hàng hóa, thực hiện việc bảo hành, bảo trì.

- Bàn giao điều hòa nhiệt độ đã được kiểm tra và đạt yêu cầu tiêu chuẩn theo quy định. Cung cấp đầy đủ các tài sản, mô tả chi tiết tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ của hàng hóa, số lượng; lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tài sản tại đơn vị sử dụng tài sản...

- Các tài liệu kèm theo tài sản bao gồm:

+ Tờ khai chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa (*chứng chỉ xuất xứ CO, và chứng chỉ chất lượng CQ*) đối với những hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định.

Trường hợp có phức tạp khi xem xét tính hợp pháp của hàng hóa (*liên doanh sản xuất, ủy quyền sản xuất, mua bán quyền để sản xuất, ủy quyền bán hàng,...*) nhà thầu cam kết cung cấp hồ sơ (*có xác nhận của các bên liên quan, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ*) về tính hợp pháp của hàng hóa.

- Cam kết có phụ tùng thay thế sẵn sàng cho sản phẩm cung cấp trong trường hợp sản phẩm cung cấp có sự cố để đảm bảo vận hành không bị gián đoạn trong thời gian ít nhất là 05 năm kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu lắp đặt.

- Cam kết tiếp nhận thông tin về sự cố 24/24 giờ. Khắc phục sự cố trong vòng 3 ngày (không quá 5 ngày trong trường hợp phải thay thế linh kiện mới do lỗi của nhà sản xuất) từ khi nhận được yêu cầu của đơn vị sử dụng về sự cố sản phẩm - do lỗi của nhà sản xuất làm gián đoạn đến quá trình vận hành: Bên B cam kết có cán bộ kỹ thuật khắc phục, xử lý các lỗi của sản phẩm.

- Cung cấp đầy đủ bản dịch tiếng việt, hướng dẫn sử dụng điều hòa khi bàn giao.

- Chịu trách nhiệm lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, chạy thử, vận hành, đào tạo, chuyển giao công nghệ.... cho đơn vị trực tiếp sử dụng khi bàn giao.

- Phối hợp với Hội đồng mua sắm TSTT - Sở Tài chính trong quá trình triển khai thực hiện thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản cụ thể đối với các đơn vị trực tiếp sử dụng, thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện với Hội đồng mua sắm TSTT.

3. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản

a) Ký kết hợp đồng:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu trên cơ sở thỏa thuận khung đã được ký kết.

- Có trách nhiệm thực hiện theo đúng số lượng đã đăng ký mua sắm tập trung với Sở Tài chính.

- Trường hợp tại thời điểm ký hợp đồng mua sắm tài sản, giá thị trường của tài sản thấp hơn giá trúng thầu mua sắm tập trung, cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản đàm phán với nhà thầu để giảm giá cho phù hợp với giá thị trường.

- Hợp đồng mua sắm tài sản được lập thành văn bản (*theo mẫu số 05a/TSC-MSTT kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ*).

b) Kiểm tra tiếp nhận tài sản:

- Cử cán bộ trực tiếp nhận tài sản, chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng tài sản theo đúng thỏa thuận khung.

- Khi giao nhận tài sản, đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm tài sản có quyền kiểm tra, chạy thử nghiệm hàng hóa và các thiết bị kèm theo. Mọi chi phí phát sinh đối với hàng hóa không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, nhà thầu phải chịu trách nhiệm chi trả. Việc kiểm tra, chạy thử có sự chứng kiến của hai bên và được thể hiện trong biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản.

- Tiến hành kiểm tra đối chiếu các tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết bị, tính đồng bộ của máy điều hòa với tiêu chuẩn kỹ thuật trong hợp đồng quy định. Nếu đạt yêu cầu sẽ lập biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản (*Theo quy định tại mẫu số 06/TSC-MSTT ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ*) và kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan, gồm:

- + Hợp đồng mua sắm tài sản: 04 bản chính;
- + Hóa đơn bán hàng: 01 bản chính;
- + Phiếu bảo hành: 01 bản chính;
- + Hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bản chính;
- + Các tài liệu khác có liên quan: 01 bản chính;

c) Thanh toán:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền theo hợp đồng đã ký kết với nhà cung cấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và bàn giao hàng hóa.

d) Thanh lý:

- Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà cung cấp sau khi hợp đồng được thực hiện xong.

- Quyết toán kinh phí mua sắm tài sản.

- Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật, thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu.

d) Các văn bản (Bản chính) liên quan bao gồm Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản, thanh lý hợp đồng giữa đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản và Nhà thầu cung cấp tài sản đều phải gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung và 01 bản cho đơn vị chủ quản trực tiếp - đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung.

e) Theo dõi tài sản trên sổ kế toán, đăng ký, kê khai và quản lý, sử dụng tài sản được quy định theo pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

g) Thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện với đơn vị đầu mối mua sắm và Hội đồng mua sắm TSTT - Sở Tài chính. Kịp thời báo cáo bằng văn bản cho đơn vị mua sắm tập trung đối với các sai phạm của nhà thầu.

4. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung

- Các đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung thông báo cho đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản để đăng ký hợp đồng mua sắm tài sản.

- Phối hợp với Hội đồng mua sắm TSTT - Sở Tài chính, nhà thầu trong quá trình triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện của các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản với Hội đồng mua sắm TSTT.

Điều 7. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung tối đa 120 ngày, kể từ ngày thỏa thuận khung có hiệu lực.

- Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 7 năm 2021.

Điều 8. Bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung

- Trong vòng 3 ngày làm việc trước khi Thỏa thuận khung có hiệu lực, Bên B phải nộp cho bên A bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung.

- Hình thức bảo đảm: Thư bảo lãnh ngân hàng.

- Giá trị bảo đảm: 126.660.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn* ./.) bằng 3% giá trị thỏa thuận khung.

- Bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung sẽ được trả cho bên A khi bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Thỏa thuận khung.

- Bảo đảm thực hiện thỏa thuận khung có hiệu lực trong vòng 120 ngày kể từ ngày phát hành.

W. B

Điều 9: Bất khả kháng

1. Trong Thỏa thuận khung này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân xảy ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

3. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện thỏa thuận khung do điều kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ Thỏa thuận khung của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.

4. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt Thỏa thuận khung theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại điều 10 của Thỏa thuận khung này.

Điều 10. Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

1. Luật áp dụng đối với thỏa thuận khung là pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận khung, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên sẽ giải quyết thông qua đàm phán trực tiếp, thương lượng và hòa giải trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lợi ích của nhau.

2. Trường hợp quá 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc đàm phán cuối cùng không thành công, thì hai bên sẽ đưa vấn đề tranh chấp ra Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có giá trị bắt buộc thực hiện đối với cả hai bên.

Điều 11. Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung

1. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại cho bên A, mức bồi thường thiệt hại do vi phạm thỏa thuận khung căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành và thỏa thuận giữa bên A và Bên B.

2. Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu bên B không thực hiện đúng tiến độ quy định của Thỏa thuận khung thì bên B sẽ phải chịu mức phạt là 1%/ngày giá trị phần công việc chậm tiến độ nhưng tối đa không vượt quá 8% (*tám phần trăm*) giá trị phần công việc chậm tiến độ theo quy định của Thỏa thuận khung.

Điều 12. Các nội dung liên quan khác

- Thỏa thuận khung được lập thành 150 bản có giá trị pháp lý như nhau. Đơn vị mua sắm tập trung giữ 05 bản; nhà thầu cung cấp tài sản giữ 05 bản; Kho bạc Nhà nước giữ 01 bản; các đơn vị đầu mối đăng ký mua sắm tập trung mỗi đơn vị 01 bản; các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản mỗi đơn vị 01 bản.
- Phụ lục số 01 và 02 là một phần không thể tách rời của Thỏa thuận khung.
- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với Nhà thầu cung cấp tài sản.

Đặng

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN ITC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Hảo

ĐẠI DIỆN BÊN A
CHỦ TỊCH HĐ MS TTTS



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
Vũ Thị Anh Dung

Phụ lục 01: TỔNG HỢP ĐƠN VỊ MUA SẮM TẬP TRUNG TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2021
LOẠI TÀI SẢN: MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ
(Kèm theo Thỏa thuận khung số: 26 /TTK-HĐMSSTT-NQ, ngày 02/7/2021)

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
I	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản						
1	2	3	4	5	6	7	8
A	MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ						
I	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 9.000 BTU	216			1.280.880.000	NAGAKAWA Model: NIS-C09R2H10 - Kiểu máy: Treo tường - Loại máy: 01 chiều lạnh - Công suất: 9.000 BTU - Công nghệ inverter, tự làm sạch (Auto Clean), làm lạnh nhanh, chế độ chỉnh nhiệt độ - Tiêu thụ điện: 0.812 kW/h - Loại gas: R-32 - Độ ồn: + Dàn lạnh: 34/29/26/21 dB(A) + Dàn nóng: 48 dB(A)	
1	TP Thái Nguyên		40		237.200.000		
-	TH Huống Thượng	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000		
-	TH Phúc Xuân	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000		

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật		Ghi chú
						7	8	
1								
-	TH Số 1 Linh Sơn	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000			
-	THCS Cam Giá	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000			
-	THCS Huông Thượng	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000			
-	THCS Lương Ngọc Quyến	Chiếc	3	5.930.000	17.790.000			
-	THCS Sơn Cảm 1	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000			
-	UBND phường Tân Thịnh	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000			
-	UBND phường Thịnh Dán	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000			
-	UBND xã Phúc Trìu	Chiếc	10	5.930.000	59.300.000			
-	UBND phường Tân Long	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000			
-	UBND xã Linh Sơn	Chiếc	6	5.930.000	35.580.000			
-	UBND phường Túc Duyên	Chiếc	8	5.930.000	47.440.000			
2	Huyện Đại Từ		6		35.580.000			
	UBND xã Hoàng Nông	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000			
	UBND xã Cát Nê	Chiếc	4	5.930.000	23.720.000			

*ketby
X*

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		2	3	4						
1	Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện	Chiếc	1		5	5		5.930.000	5.930.000	7
3	Huyện Đồng Hỷ			3				17.790.000		8
	UBND xã Nam Hòa	chiếc	2		5	5.930.000		11.860.000		
	UBND xã Hóa Trung	chiếc	1		5	5.930.000		5.930.000		
4	Huyện Định Hóa			52				308.360.000		
	UBND xã Thanh Định	chiếc	3		5	5.930.000		17.790.000		
	UBND xã Tân Dương	chiếc	4		5	5.930.000		23.720.000		
	UBND xã Trung Lương	chiếc	6		5	5.930.000		35.580.000		
	Ủy ban MTTQ huyện	chiếc	1		5	5.930.000		5.930.000		
	UBND xã Kim Phượng	chiếc	2		5	5.930.000		11.860.000		
	Trường MN Bộc Nhiêu	chiếc	2		5	5.930.000		11.860.000		
	Trường MN Kim Phượng	chiếc	5		5	5.930.000		29.650.000		
	Trường MN Linh Thông	chiếc	4		5	5.930.000		23.720.000		
	Trường Mầm non Lam Vỹ	chiếc	2		5	5.930.000		11.860.000		

Mony

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản			Đơn giá trùng thầu			Thông số kỹ thuật		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trùng thầu	Thành tiền (Đồng)	7	8			
1		2	3	4	5	6	7			
	Trường Mầm non Phú Định	chiếc	1	5.930.000	5.930.000					
	Trường MN Trung Hội	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường MN Trung Lương	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường TH Bình Thành	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường TH Bộc Nhiêu	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường TH Kim Phượng	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường TH Phú Tiến	chiếc	1	5.930.000	5.930.000					
	Trường TH Phượng Tiên	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường THCS Bình Thành	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường THCS Hoàng Ngân	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường THCS Đồng Thịnh	chiếc	1	5.930.000	5.930.000					
	Trường THCS Kim Phượng	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
	Trường THCS Thanh Định	chiếc	2	5.930.000	11.860.000					
5	Huyện Phú Bình		2			11.860.000				



 Mr. Bùi Văn Huy

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		2	3						
1	UBND xã Đào Xá	chiếc	2		5.930.000		11.860.000		7
6	TP Sông Công		8			47.440.000			8
	Phòng y tế	chiếc	2		5.930.000		11.860.000		
	Phòng GD &ĐT	chiếc	2		5.930.000		11.860.000		
	Trường mầm non Phố Cờ	chiếc	2		5.930.000		11.860.000		
	Trường Tiểu học Ninh Sơn	chiếc	2		5.930.000		11.860.000		
7	Huyện Võ Nhai	-	17			100.810.000			
	UBND xã La Hiên	chiếc	2		5.930.000		11.860.000		
	UBND xã Lâu Thượng	chiếc	1		5.930.000		5.930.000		
	UBND xã Cúc Đường	chiếc	1		5.930.000		5.930.000		
	UBND xã Sảng Mộc	chiếc	5		5.930.000		29.650.000		
	UBND xã Phượng Giao	chiếc	2		5.930.000		11.860.000		
	UBND xã Dân Tiến	chiếc	6		5.930.000		35.580.000		
8	UBND thị xã Phố Yên		3			17.790.000			

Hàng

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Thông số kỹ thuật				Ghi chú	
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trường mầm non Đồng Cao	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000		
	Trung tâm GDNN-GDTX	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000		
9	Huyện Phú Lương		8		47.440.000		
	Trường mầm non xã Túc Tranh	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000		
	Trường mầm non Phù Lý	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000		
	Trường Tiểu học Giang Tiên	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000		
	Trường Tiểu học Phấn Mẽ I	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000		
	Trung tâm dịch vụ NN Phú Lương.	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000		
10	Sở Y tế		59		349.870.000		
	Trung tâm Y tế huyện Phú Lương	chiếc	19	5.930.000	112.670.000		
	Trung tâm Y tế huyện Định Hóa	chiếc	7	5.930.000	41.510.000		
	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	chiếc	10	5.930.000	59.300.000		
	Trung tâm Y tế huyện Phú Bình	chiếc	7	5.930.000	41.510.000		
	Trung tâm Y tế thị xã Phò Yên	chiếc	12	5.930.000	71.160.000		

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1			2	3	4	5	6	7
1	Bệnh viện Tâm thần	chiếc	4	5.930.000	23.720.000			8
11	Sở Văn hóa, thể thao và du lịch		1		5.930.000			
	Văn phòng Sở	chiếc	1	5.930.000	5.930.000			
12	Đảng ủy khối cơ quan tỉnh	Chiếc	1	5.930.000	5.930.000			
13	Ban quản lý các KCN		9		53.370.000			
	Văn phòng Ban Quản lý các KCN Thái Nguyên	Chiếc	6	5.930.000	35.580.000			
	Trung tâm dạy nghề các KCN Thái Nguyên	Chiếc	3	5.930.000	17.790.000			
14	Thanh tra tỉnh	Chiếc	5	5.930.000	29.650.000			
15	Sở LĐ-TB&XH		2		11.860.000			
	Văn phòng Sở	Chiếc	2	5.930.000	11.860.000			

Wing
A

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
I							8
II	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 1 chiều lạnh Công suất: 12.000 BTU	101	3	4	5	716.090.000	<p>NAGAKAWA</p> <p>Model: NIS-C12R2H10</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu máy: Treo tường - Loại máy: 01 chiều lạnh - Công suất: 12.000 BTU - Công nghệ inverter, tự làm sạch (Auto Clean), làm lạnh nhanh, chế độ chỉnh nhiệt độ - Tiêu thụ điện: 1.21 kW/h - Độ ồn: + Dàn lạnh: 34/29/26/22 dB(A) + Dàn nóng: 50 dB(A)
1	TP Thái Nguyên		18			127.620.000	
-	MN xã Sơn Cảm	Chiếc	2	7.090.000		14.180.000	
-	TH Chiềng Thắng	Chiếc	2	7.090.000		14.180.000	
-	THCS Quyết Thắng	Chiếc	2	7.090.000		14.180.000	
-	THCS Tân Lập	Chiếc	2	7.090.000		14.180.000	
-	THCS Tích Luong	Chiếc	2	7.090.000		14.180.000	
-	UBND xã Linh Sơn	Chiếc	1	7.090.000		7.090.000	

Wox

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		2	1						
1	- UBND phường Cam Giá	Chiếc	2	7.090.000	5	6	7	8	
	- UBND phường Đồng Bǎm	Chiếc	5	7.090.000		35.450.000			
2	Huyện Đồng Hỷ		3				21.270.000		
	UBND xã Hóa Trung	chiếc	1	7.090.000		7.090.000			
	Trường Mầm non Khe Mo	chiếc	2	7.090.000		14.180.000			
3	Huyện Định Hóa		23				163.070.000		
	UBND xã Thanh Định	chiếc	2	7.090.000		14.180.000			
	UBND xã Diêm Mặc	chiếc	2	7.090.000		14.180.000			
	Ủy ban MTTQ huyện	chiếc	1	7.090.000		7.090.000			
	UBND xã Bảo Linh	chiếc	2	7.090.000		14.180.000			
	Trường MN Chợ Chu	Chiếc	1	7.090.000		7.090.000			
	Trường TH Nam Vỹ	Chiếc	3	7.090.000		21.270.000			
	Trường TH Phú Tiến	Chiếc	2	7.090.000		14.180.000			
	Trường TH Quy Kỳ	Chiếc	4	7.090.000		28.360.000			

W/ ký

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Trường THCS Bảo Cường	Chiếc	4	7.090.000	28.360.000		
	Trường THCS Đồng Thịnh	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000		
	TT Giáo dục thường xuyên	chiếc	1	7.090.000	7.090.000		
4	TP Sông Công		7		49.630.000		
	BQL trật tự xây dựng và giao thông	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000		
	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thông	Chiếc	6	7.090.000	42.540.000		
5	Huyện Võ Nhai	-	9		63.810.000		
	Trường THCS Đồng Thịnh	Chiếc	2	7.090.000	14.180.000		
	UBND xã Vũ Chấn	Chiếc	3	7.090.000	21.270.000		
	UBND xã Nghinh Tường	Chiếc	2	7.090.000	14.180.000		
	UBND xã Sàng Mộc	Chiếc	2	7.090.000	14.180.000		
6	UBND thị xã Phổ Yên		8		56.720.000		
	Trường mầm non Thành Công I	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000		
	Trường Tiểu học Đồng Tiến	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000		

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		2	3	4						
1	Trường Tiểu học Thành Công I	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7	8
	Trường THCS Vạn Phái	Chiếc	2	7.090.000	7.090.000	14.180.000				
	Trường THCS Đồng Tiến	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7	
	Trường THCS Tiên Phong	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7	
	Trung tâm GDNN-GDTX	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7	
7	Huyện Phú Lương		9				63.810.000			
	Trường mầm non Hợp Thành	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7	
	Trường mầm non xã Tức Tranh	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7	
	Trường THCS Yên Lạc	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7	
	Trường THCS Túc Tranh	Chiếc	2	7.090.000	7.090.000	14.180.000	14.180.000	14.180.000	14.180.000	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Lương	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	
	UBND xã Yên Trạch	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	7.090.000	
	Trường Tiểu học Phù Lý	Chiếc	2	7.090.000	7.090.000	14.180.000	14.180.000	14.180.000	14.180.000	
8	Sở Khoa học và CN	Chiếc	1				7.090.000			

hàng

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Thông số kỹ thuật				Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	
1	2	3	4	5	6	7
	Văn phòng Sở Khoa học và CN	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	8
9	Đảng ủy khối cơ quan tỉnh	Chiếc	2	7.090.000	14.180.000	
10	Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	chiếc	2	7.090.000	14.180.000	
11	Ủy ban MTTQ Việt Nam TN	Chiếc	10	7.090.000	70.900.000	
12	Sở Ngoại vụ	Chiếc	2	7.090.000	14.180.000	
13	Thanh tra tỉnh	Chiếc	2	7.090.000	14.180.000	
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	Chiếc	3		21.270.000	
	Chi cục Kiểm lâm	Chiếc	2	7.090.000	14.180.000	
	Trung tâm Nước Sinh hoạt và VSMTNNT	Chiếc	1	7.090.000	7.090.000	
15	Sở LD-TB&XH	Chiếc	2		14.180.000	
	Văn phòng Sở	Chiếc	2	7.090.000	14.180.000	

*Nguyễn
X*

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1		2	3	4	5	6	7
III	<p>Kiểu máy: Treo tường</p> <p>Loại máy: 1 chiều lạnh</p> <p>Công suất: 18.000 BTU</p>	Chiếc	51	539.580.000		<p>NAGAKAWA</p> <p>Model: NIS-C18R2H10</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu máy: Treo tường - Loại máy: 01 chiều lạnh - Công suất: 18.000 BTU - Công nghệ inverter, tự làm sạch (Auto Clean), làm lạnh nhanh (Super), chế độ chỉnh nhiệt độ - Loại gas: R-32 - Công suất tiêu thụ trung bình: 1,8 kW/h 	8
1	TP Thái Nguyên		9		95.220.000		
-	MN Huống Thượng	Chiếc	1	10.580.000	10.580.000		
-	BQL dự án đầu tư xây dựng TP Thái Nguyên	Chiếc	1	10.580.000	10.580.000		
-	UBND Phường Tân Thịnh	Chiếc	1	10.580.000	10.580.000		
-	UBND Phường Thịnej Dân	Chiếc	4	10.580.000	42.320.000		
-	UBND xã Tân Cương	Chiếc	2	10.580.000	21.160.000		
2	Huyện Đại Từ		2		21.160.000		
	UBND xã Phú Xuyên	Chiếc	1				

In by

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		1	2	3						
	UBND xã Cát Nê	Chiếc	1	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000		
3	Huyện Định Hóa		7					74.060.000		
	UBND xã Lam Vỹ	chiếc	2	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	21.160.000		
	Trường Mầm non Phú Định	chiếc	1	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000		
	Trường TH Bình Thành	chiếc	2	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	21.160.000		
	Trường THCS Phú Định	chiếc	2	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	21.160.000		
4	TP Sông Công		13					137.540.000		
	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	cái	5	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	52.900.000		
	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thông	cái	8	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	84.640.000		
5	UBND thị xã Phố Yên		1					10.580.000		
	Trường Tiểu học Thành Công II	Chiếc	1	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000		
6	Huyện Phú Lương		2					21.160.000		
	Trường Tiểu học Yên Đỗ I	cái	2	10.580.000	10.580.000	10.580.000	10.580.000	21.160.000		

Wong
K

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		2	3	4						
1	Sở Khoa học và CN	1			5		6		7	
7	Văn phòng Sở Khoa học và CN	Chiếc	1	10.580.000						8
8	Sở Y tế		12				126.960.000			
	Bệnh viện C	chiếc	8	10.580.000						
	Bệnh viện Phục hồi chức năng	chiếc	4	10.580.000						
9	Thanh tra tỉnh	cái	1	10.580.000			10.580.000			
10	Sở NN và PTNT		1				10.580.000			
	VP Điều phối CT XD NTM	Cái	1	10.580.000						
11	Trường Chính trị	Cái	2	10.580.000			21.160.000			

In/Sig
A

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1		3	4	5	6		
IV	Kiểu máy: Treo tường, Loại máy: 1 chiều lạnh, Công suất: 24.000 BTU	15			230.250.000	NAGAKAWA Model: NIS-C24R2H10 - Kiểu máy: Treo tường - Loại máy: 01 chiều lạnh - Công suất: 24.000 BTU - Công nghệ inverter, tự làm sạch (Auto Clean), làm lạnh nhanh (Super), chế độ chỉnh nhiệt độ - Loại gas: R32 - Độ ồn: 45/39/36/33 dB(A)	
1	Số Y tế	14			214.900.000		
2	Trung tâm pháp y chiếc	14	15.350.000	214.900.000			
	TP Sông Công	1			15.350.000		
	Phòng GD &ĐT	1	15.350.000	15.350.000			

Willy
K

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Kiểu máy: Treo tường, Loại máy: 2 chiều; Công suất: 9.000 BTU	2	3	4	5	6	NAGAKAWA Model: NIS - A09R2H10 - Kiểu máy: Treo tường - Loại máy: Điều hòa 02 chiều - Công suất: 9.000 BTU - Công nghệ inverter, tự làm sạch (Auto clean), làm lạnh nhanh (Super), chế độ chỉnh nhiệt độ - Loại gas: R32 - Độ ồn (dàn lạnh): 38/34/27/21 dB(A); Độ ồn (dàn nóng): 48 dB(A)
2	Sở Y tế	6			46.020.000		
3	Bệnh viện Tâm thần Trung tâm Y tế thị xã Phố Yên	chiếc	4	7.670.000	30.680.000		
4	Sở Tư pháp	chiếc	2	7.670.000	15.340.000		
5	Huyện Phú Lương		1		7.670.000		
	Trường mầm non xã Yên Ninh		1	7.670.000	7.670.000		

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1		2	3	4	5	6	7
VI	Kiểu máy: Treo tường Loại máy: 2 chiều lạnh Công suất: 12.000 BTU					NAGAKAWA Model: NIS - A12R2H10 - Kiểu máy: Treo tường - Loại máy: Điều hòa 02 chiều - Công suất: 12.000 BTU - Công nghệ inverter, tự làm sạch (Auto clean), làm lạnh nhanh, chế độ chỉnh nhiệt độ - Tiêu thụ điện: 1,12 kW/h - Chế độ gió: Điều khiển lên xuống tự động, trái phải tùy chỉnh tay - Loại gas: R32 - Độ ồn (dàn lạnh): 38/34/28/24 dB(A); Độ ồn Dàn nóng: 50 dB(A)	8
1	TP Thái Nguyên		2			17.800.000	
	Trung tâm phát triển quỹ đất TP	Chiếc	2	8.900.000		17.800.000	
2	UBND thị xã Phổ Yên		1			8.900.000	
	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	Chiếc	1	8.900.000		8.900.000	
3	Sở Y tế		54			480.600.000	
	Bệnh viện da khoa huyện Đại Tử	chiếc	5	8.900.000		44.500.000	

1/10/2024
8

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		2	3	4						
I	Trung tâm Y tế TP Thái Nguyên	chiếc	5	8.900.000	5	6		7		8
	Trung tâm Y tế thị xã Phố Yên	chiếc	1	8.900.000			8.900.000			
	Bệnh viện đa khoa huyện Định Hóa	chiếc	3	8.900.000			26.700.000			
	Bệnh viện A	chiếc	40	8.900.000			356.000.000			
4	Số Công thương		3				26.700.000			
	Trung tâm xúc tiến thương mại Thái Nguyên	Chiếc	3	8.900.000			26.700.000			
VII	Kiểu máy: Treo tường, Loại máy: 2 chiều; Công suất: 18.000 BTU		27				364.230.000		NAGAKAWA Model: NIS - A18R2H10 - Kiểu máy: Treo tường - Loại máy: 2 chiều - Công suất: 18.000 BTU - Công nghệ inverter, tự làm sạch (Auto clean), làm lạnh nhanh (Super), chế độ chỉnh nhiệt độ - Loại gas: R32 - Màng lọc 5 lớp công nghệ cao hiệu quả diệt khuẩn và khử mùi tới 99%	
1	Số Y tế		26				350.740.000			
	Bệnh viện C		chiếc	4						

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản			Đơn vị tính	Số luợng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		1	2	3						
1	Trung tâm Y tế huyện Phú Lương	chiếc	1	13.490.000	13.490.000	13.490.000	13.490.000	13.490.000		
	Bệnh viện da khoa huyện Định Hóa	chiếc	2	13.490.000	26.980.000					
	Bệnh viện A	chiếc	15	13.490.000	202.350.000					
	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	chiếc	1	13.490.000	13.490.000	13.490.000	13.490.000	13.490.000		
	Bệnh viện Mắt	chiếc	3	13.490.000	40.470.000					
2	Sở LD-TB&XH		1		13.490.000					
	Văn phòng Sở	Chiếc	1	13.490.000	13.490.000	13.490.000	13.490.000	13.490.000		
NAGAKAWA Model: NIS - A24R2H10 - Kiểu máy: Treo tường - Loại máy: Điều hòa 2 chiều - Công suất: 24.000 BTU - Công nghệ inverter, tự làm sạch (Auto clean), làm lạnh nhanh (Super), chế độ chỉnh nhiệt độ - Loại gas: R32 - Độ ồn (dàn lạnh): 45/39/36/33 dB(A); Độ ồn (dàn nóng): 54 dB(A)										
VIII Kiểu máy: Treo tường , Loại máy: 2 chiều; Công suất: 24.000 BTU										

K

Woz

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Sở Y tế		5		83.700.000		
	Bệnh viện A	chiếc	5	16.740.000	83.700.000		
2	Sở Tài Nguyên và Môi trường		1		16.740.000		
	Văn phòng Sở Tài Nguyên và Môi trường	cái	1	16.740.000	16.740.000		
IX	Kiểu máy: Tủ đứng, Loại máy: 1 chiều lạnh; Công suất: 28.000 BTU		12		228.840.000	NAGAKAWA Model: NP - C28DH+ - Kiểu máy: Tủ đứng - Loại máy: 01 chiều lạnh - Công suất: 28.000 BTU - Tụ làm sạch, làm lạnh nhanh, chế độ chỉnh nhiệt độ - Loại Gas: R410A	
1	Sở Y tế		5		95.350.000		
	Bệnh viện C	chiếc	2	19.070.000	38.140.000		
	Bệnh viện Tâm thần	chiếc	1	19.070.000	19.070.000		
	Trung tâm pháp y	chiếc	2	19.070.000	38.140.000		
2	TP Thái Nguyên		4		76.280.000		
	UBND phường Túc Duyên	Chiếc	2				

W/By
K

STT	Tên tài sản Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Đơn vị tính			Đơn giá trung thầu	Thành tiền (Đồng)	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	
	Trung tâm dạy nghề các KCN Thái Nguyên	Chiếc	2	19.070.000	38.140.000			
3	Sở LB-TB&XH		2			38.140.000		
	Bệnh viện chính hình và Phục hồi chức năng	Chiếc	2	19.070.000	38.140.000			
4	Huyện Phú Lương		1			19.070.000		
	Trường THCS Giang Tiên	cái	1	19.070.000	19.070.000			
X							NAGAKAWA Model: NP - C50DH+ - Kiểu máy: Tủ đứng - Loại máy: 01 chiều lạnh - Công suất: 50.000 BTU - Tự làm sạch, làm lạnh nhanh, ché độ chỉnh nhiệt độ - Loại Gas: R410A	
1	Sở Y tế		5			150.990.000		
	Bệnh viện A	chiếc	5	30.198.000	150.990.000			

Willy
K

Phụ lục 02

DANH MỤC VÀ GIÁ VẬT TƯ LẮP ĐẶT ĐIỀU HÒA

(Kèm theo Thỏa thuận khung số: /TTK-HDMSTSTT-NQ ngày 02/7/2021)

STT	Phụ kiện lắp đặt	ĐVT	Số lượng	Đơn giá
1	Ống đồng kèm bảo ôn cho máy 9.000 BTU- 10.000 BTU, dày 0,61 mm	m	01	200.000
2	Ống đồng kèm bảo ôn cho máy 12.000 BTU- 18.000 BTU, dày 0,61 mm	m	01	220.000
3	Ống đồng kèm bảo ôn cho máy 18.000 BTU- 36.000 BTU	m	01	250.000
4	Ống bảo ôn cho máy 36.000 BTU – 52.000 BTU	m	01	40.000
5	Giá đỡ cục nóng cho máy 9.000 – 24.000 BTU treo tường	Bộ	01	120.000
6	Giá đỡ cục nóng cho máy trên 28.000 BTU treo tường	Bộ	01	220.000
7	Giá đỡ cục nóng điều hòa tủ đứng (loại ghế ngồi)	Chiếc	01	400.000
8	Atomat 15/30 A	Chiếc	01	100.000
9	Atomat 3 pha	Chiếc	01	290.000
10	Ống nước thải (ống chun)	m	01	15.000
11	Vải bọc ống bảo ôn (1m ống = 1m vải)	m	01	10.000
12	Dây điện 2x 1.5	m	01	12.000
13	Dây điện 2x 2.5	m	01	18.000
14	Dây điện 2x 4.0	m	01	28.000
15	Dây điện 3 pha máy từ 30.000 BTU – 52.000 BTU	m	01	75.000
16	Vật tư phụ (bộ đai ốc, vít, băng dính điện)	Bộ	01	100.000

C.Đ.Đ
Hàng

lý
Ngay